

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-PT  
Ngày: 14/02/2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

*Các Thẩm phán:* ông Lê Thanh Hoàng;  
ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 202/2021/TLPT-DS ngày 24/12/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2021/QĐ-PT ngày 27/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐ-PT ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trương Thị Thùy T, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp MT, xã MA, huyện M, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp MT, xã MA, huyện M, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021.

- *Bị đơn:* bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp MT, xã MA, huyện M, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp LT 2, xã LG, huyện M, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 18/6/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Dương Thị Đạt K – Văn phòng luật sư TV, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: 595/15 HHH, phường DX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lương Ngọc Đ, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp MT, xã MA, huyện M, tỉnh An Giang.

Tất cả những người tham gia tố tụng đều có mặt tại phiên tòa.

Người kháng cáo: bị đơn bà Ngô Thị Thu H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

*Nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T trình bày:*

Do quen biết, khoảng năm 2019 bà không nhớ chính xác thời gian, bà Ngô Thị Thu H có tham gia hội do bà làm chủ hội, cụ thể từng đây hội, hội viên bà không nhớ rõ, bà H đã hốt hội và còn nợ bà số tiền hội 685.000.000 đồng.

Đồng thời, bà H vay tiền của bà nhiều lần khi có tiền bà H trả tiền lại cho bà. Nhưng đến khoảng tháng 11/2020 âm lịch bà H lại nhà bà vay tiền nhiều lần, cụ thể thời gian từng lần vay tiền, số tiền cụ thể bao nhiêu bà không nhớ, khi ngồi cộng lại thì bà H còn nợ bà số tiền của các lần vay 325.000.000 đồng, vay tiền không có làm biên nhận, không thỏa thuận thời gian trả, lãi suất bao nhiêu không nhớ, có nhận tiền lãi của bà H nhưng không nhớ chính xác bao nhiêu tiền.

Ngày 28/11/2020 âm lịch, do bà H không châu hội và trả tiền vay, nên bà có đến nhà bà H chốt lại số nợ bà H còn nợ và trừ các khoản tiền liên quan tổng cộng bà H còn nợ bà số tiền hội là 685.000.000 đồng, tiền vay là 325.000.000 đồng, tổng cộng số tiền còn nợ 1.010.000.000 đồng nhưng bà H có trả cho bà số tiền 30.400.000 đồng và bà H còn nợ bà số tiền hội chưa châu 10.000.000 đồng, tổng cộng bà H còn nợ bà số tiền 989.600.000. Nhưng khi khởi kiện do cộng nhầm nên chỉ yêu cầu giải quyết số tiền hội và tiền vay còn nợ 980.000.000 đồng, nay bà chỉ yêu cầu bà H trả cho bà số tiền vay và tiền hội còn nợ 980.000.000 đồng, số tiền 9.600.000 đồng do cộng nhầm bà không yêu cầu giải quyết. Bà xin rút lại yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 11/2020 âm lịch đến khi Tòa án xét xử.

*Bị đơn bà Ngô Thị Thu H trình bày:*

Bà thống nhất còn nợ bà T số tiền hội 685.000.000 đồng, tiền vay còn nợ bà T số tiền 325.000.000 đồng (số tiền vay này là đóng lãi hàng ngày).

Mỗi ngày đóng lãi cho bà T số tiền 650.000 đồng/ngày/325.000.000 đồng, đóng lãi không có làm giấy tờ, không ai chứng kiến, không có tranh chấp số tiền lãi đã đóng cho bà T, đóng lãi cho bà T số tiền bao nhiêu bà không nhớ chính xác.

Vì vậy, bà thừa nhận còn nợ bà Trương Thị Thùy T tổng cộng số tiền vay và tiền hội là 980.000.000 đồng, trong đó số tiền hội còn nợ bà T 685.000.000 đồng, tiền vay 325.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin không trả

lãi cho bà T và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt số tiền còn nợ bà T 980.000.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Ngọc Đ trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của vợ ông là bà Trương Thị Thùy T, nay yêu cầu bà Ngô Thị Thu H trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ 980.000.000 đồng, ngoài ra không có ý kiến gì khác. Việc bà T rút lại yêu cầu tính lãi ông không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định bà H còn nợ tiền hui là 655.000.000 đồng, tiền vay 325.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bà H còn nợ là 980.000.000 đồng, không đồng ý với ý kiến xin trả dần của bị đơn, xin được rút yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 11/2020 âm lịch đến khi Tòa án xét xử.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: thống nhất bà H còn nợ bà T số tiền hui 655.000.000 đồng, tiền vay 325.000.000 đồng, bà H xin được trả như sau: ngày 31/5/2021, trả 100.000.000 đồng, sau đó, hàng tháng trả 30.000.000 đồng đến khi hết nợ.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T.

Buộc bà Ngô Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Thùy T số tiền 980.000.000 (chín trăm tám mươi triệu) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi từ tháng 11 năm 2020 đến khi Tòa án xét xử.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-ADBPCKTT ngày 26/4/2021 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2021/QĐ-BPBD ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

Bà Trương Thị Thùy T được nhận lại 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng tại tài khoản phong tỏa số 6711258167259 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện M, tỉnh An Giang.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2021, bị đơn bà Ngô Thị Thu H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà được trả dần số tiền 980.000.000đ, cụ thể: xin trả trước 100.000.000đ và hàng tháng trả tiếp 30.000.000đ cho đến khi hết số tiền 980.000.000đ.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu được trả trước cho bà H 100.000.000đ và hàng tháng trả 50.000.000đ cho đến khi hết nợ, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông Nguyễn Hoàng C trình bày: Năm 2015 bà H có tham gia chơi hội do bà T làm chủ, bà H có nợ tiền hội và tiền vay của bà T khoảng 3-5 tỷ đồng. Ngày 28/11/2021 chốt nợ bà H còn nợ bà T tiền vay 325.000.000 đồng, nợ hội là 685.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì bà H có đóng lãi cho bà T mỗi ngày 5.800.000đ, một tháng 174.000.000đ trong vòng một năm. Bà H thống nhất còn nợ bà T 980.000.000đ, yêu cầu được trả trước 100.000.000đ, hàng tháng trả tiếp 50.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông Lương Ngọc Đ trình bày: không thừa nhận việc bà H trình bày có đóng lãi mỗi ngày 5.800.000đ, một tháng 174.000.000đ, không đồng ý cho bà H trả dần.

*Phản tranh luận:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H phát biểu: Về số tiền nợ hội và nợ vay tại phiên tòa phía bị đơn trình bày có đóng lãi cho nguyên đơn từ 28/11/2020 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn kháng cáo xin được trả trước 100.000.000đ, mỗi tháng tiếp theo trả 50.000.000đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Đ: không tranh luận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:*

+ Về thủ tục tố tụng: bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định. Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà H, bà T thống nhất bà H còn nợ bà T tiền hội 655.000.000đ, tiền vay 325.000.000đ, tổng cộng bà H còn nợ bà T 980.000.000đ. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản, hội giữa bà H và bà T là phù hợp với quy định pháp luật. Bà H yêu cầu được trả dần nhưng không được bà T đồng ý, cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho bà T 980.000.000đ và đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà H là có căn cứ. Bà H kháng cáo xin trả trước 100.000.000đ, mỗi tháng dần trả 30.000.000đ, tại phiên tòa bà H nâng số tiền trả dần lên 50.000.000đ nhưng không được bà T đồng ý, cũng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: bà Ngô Thị Thu H kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên được chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H:

Bà Trương Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Thu H phải trả nợ hui 655.000.000đ, nợ vay 325.000.000đ, tổng cộng 980.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, bà T có cung cấp chứng cứ là bản đối chiếu nợ hui giữa bà T và bà H ngày 11/5/2020 (BL 04).

Đối với bà H thừa nhận có nợ bà T tiền hui và tiền vay tổng cộng 980.000.000đ và thừa nhận có ký tên và viết họ tên trong tờ biên nhận hui ngày 11/5/2020, lời thừa nhận của bà H phù hợp với yêu cầu của bà T, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, nên bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ trên là có căn cứ. Tại cấp sơ thẩm bà H yêu cầu bà T cho trả 100.000.000 đồng vào ngày 31/5/2021, sau đó hàng tháng trả 30.000.000 đồng đến khi hết nợ, tuy nhiên yêu cầu của bà H không được bà T đồng ý. Do đó cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà T 980.000.000đ là có căn cứ.

Bà H kháng cáo yêu cầu được trả trước 100.000.000đ và hàng tháng trả tiếp 30.000.000đ cho đến khi hết số tiền 980.000.000đ. Tại phiên tòa bà H thay đổi nâng số tiền trả dần từ 30.000.000đ lên 50.000.000đ, nhưng không được bà T đồng ý. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, cần giữ nguyên án sơ thẩm buộc bà H phải trả cho bà T số tiền 980.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H cho rằng sau khi chốt nợ có đóng lãi cho bà T mỗi ngày 5.800.000đ, một tháng 174.000.000đ trong vòng một năm, nhưng không cung cấp được chứng cứ. Hơn nữa tại cấp sơ thẩm bà H không tranh chấp số lãi đã đóng và tại đơn kháng cáo bà H cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Để bảo đảm cho việc thi hành án cấp sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/4/2021 về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại không tuyên cụ thể tài sản bị phong tỏa, để đảm bảo quyền lợi của nguyên đơn trong giai đoạn thi thi hành án, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về cách tuyên án đối với tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cho cụ thể như sau:

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với quyền sử dụng đất số CS01482, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 15/7/2016 cho bà Ngô Thị Thu H, tờ bản đồ số 19, thửa đất 422, 423, 418, 419, 420 diện tích 9660m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã MA, huyện M, tỉnh An Giang.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà H không phải chịu, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thu H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2021/DS-ST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh An Giang về cách tuyên án.

#### ***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thùy T.

Buộc bà Ngô Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Thùy T số tiền 980.000.000 (chín trăm tám mươi triệu) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi từ tháng 11 năm 2020 đến khi Tòa án xét xử.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.400.000 (bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Bà Trương Thị Thùy T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 20.700.000 (hai mươi triệu bảy trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006103 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-ADBPKCTT ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với quyền sử dụng đất số CS01482, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 15/7/2016 cho bà Ngô Thị Thu H, tờ bản đồ số 19, thửa đất 422, 423, 418, 419, 420 diện tích 9660m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã MA, huyện M, tỉnh An Giang.

Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 02/2021/QĐST-DS ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện M.

Bà Trương Thị Thùy T được nhận lại 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng tại tài khoản phong tỏa số 6711258167259, theo giấy nộp tiền ngày 26/4/2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện M, tỉnh An Giang

- Án phí phúc thẩm: bà Ngô Thị Thu H được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009615 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND huyện M (1);
- THADS huyện M (1);
- Đương sự (4);
- Người bảo vệ QVLIHP (1);
- Phòng KTNV & THA (1);
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Phượng**